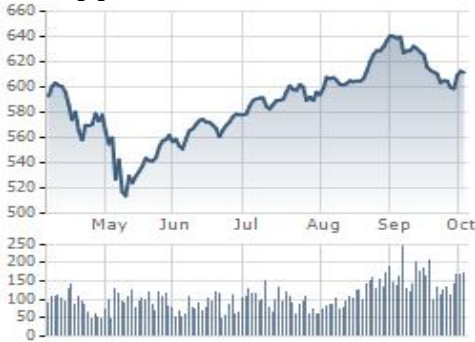


### HOSE 10/06/2014

VNINDEX 614.41 2.87 0.47%

KLGD 168,958,470 CP  
GTGD 2,870.84 Tỷ  
GTR NDTNN 4.32 Tỷ

CP Tăng giá 174 CP  
CP Giảm giá 55 CP  
CP Đứng giá 75 CP



### Tâm điểm

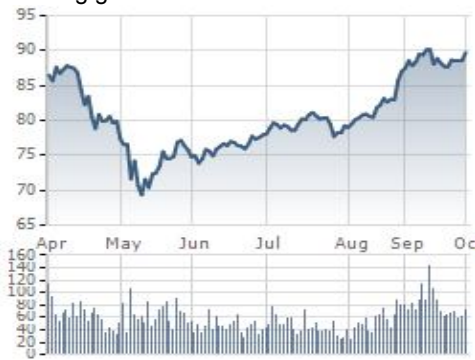
- ▶ **Sự tích cực vẫn được duy trì trên cả 2 sàn**
- ▶ **Thanh khoản thị trường có sự sụt giảm**  
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,800 tỷ đồng
- ▶ **World Bank: Kinh tế Việt Nam tăng trưởng 5.4% trong năm 2014**  
World Bank nhận kinh tế Việt Nam hiện đang tăng trưởng khá chậm chạp  
Người Đồng Hành
- ▶ **Dự báo tăng trưởng tín dụng Việt Nam 10% trong năm nay**  
Theo báo cáo cập nhật kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương của Ngân hàng Thế giới  
DVO/World Bank
- ▶ **Lạm phát tháng 9 của Nga lên cao nhất 3 năm**  
Giá tiêu dùng tháng 9 bật tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái  
DVO/Bloomberg
- ▶ **HHS: 9 tháng ước lãi 66 tỷ đồng, đạt 78% kế hoạch năm**  
Riêng về doanh thu, 9 tháng đầu năm HHS đạt 813 tỷ đồng, vượt 31% kế hoạch năm  
DVO
- ▶ **ASM: Hợp tác chiến lược với FIT trong phân phối dầu cá**  
Hai bên cam kết sẽ trở thành đối tác chiến lược để hỗ trợ cùng nhau phát triển  
Infonet

### HNX 06/10/2014

HNXINDEX 90.93 0.61 0.67%

KLGD 74,960,704 CP  
GTGD 1,022.94 Tỷ  
GTR NDTNN - 5.99 Tỷ

CP Tăng giá 130 CP  
CP Giảm giá 77 CP  
CP Đứng giá 172 CP



### Thị trường / Ngành

#### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,095,146	15.3	3.2	19.4%	10.5%
HNX	147,650	15.0	1.8	9.2%	4.5%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,242,796</b>	<b>17.1</b>	<b>3.2</b>	<b>18.7%</b>	<b>9.9%</b>

#### Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,597	7.0	1.0	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,448	9.3	1.5	16.4%	11.0%
Thép và sản phẩm thép	39,517	17.3	2.2	20.8%	9.6%
Khai khoáng	12,426	67.4	5.5	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,193	16.7	1.5	11.1%	7.4%
Xây dựng	33,680	51.6	1.3	-1.7%	2.0%
Máy công nghiệp	9,349	9.9	1.5	15.1%	10.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,546	9.1	1.6	18.8%	13.6%
Lốp xe	9,034	11.2	3.3	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,328	12.2	1.9	16.8%	6.1%
Thực phẩm	198,665	24.2	4.8	20.5%	16.1%
Dược phẩm	15,679	10.9	3.0	25.0%	16.4%
Phần mềm	18,693	11.6	2.4	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	26,036	-	6.1	-14.0%	0.6%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	207,768	17.0	5.6	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,899	22.8	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	30,017	15.1	1.7	9.6%	7.0%
Ngân hàng	243,039	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	174,551	17.8	3.0	20.9%	5.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,557	11.8	2.5	22.6%	9.4%

### VN30 & HNX30 INDEX

VN30 662.43 3.18 0.48%  
HNX30 186.90 1.90 1.03%

### Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**World Bank: Kinh tế Việt Nam tăng trưởng 5.4% trong năm 2014**

**Dự báo tăng trưởng tín dụng Việt Nam 10% trong năm nay**

**Lạm phát tháng 9 của Nga lên cao nhất 3 năm**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**HHS: 9 tháng ước lãi 66 tỷ đồng, đạt 78% kế hoạch năm**

**ASM: Hợp tác chiến lược với FIT trong phân phối dầu cá**

**HSG: Đầu tư 2,300 tỷ đồng xây dựng nhà máy ở Nghệ An**

## ► Tin kinh tế

Theo báo cáo kinh tế vừa công bố của World Bank, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2014 dự báo sẽ không đổi so với năm ngoái ở 5.4%. World Bank (WB) nhận định trong báo cáo, kinh tế Việt Nam hiện đang tăng trưởng khá chậm chạp. Tuy nhiên, Ngân hàng dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng nhẹ trong năm 2015 ở 5.5% và tiếp tục tăng lên 5.8% trong năm tiếp theo. Theo nhận định của WB, Việt Nam hiện nay vẫn duy trì được tính ổn định của kinh tế vĩ mô với lạm phát ở mức thấp.

Báo cáo cập nhật kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương của Ngân hàng Thế giới (World Bank) vừa công bố nhận định, ngành ngân hàng Việt Nam ổn định một cách mong manh. Với việc tập trung vào giải quyết nợ xấu, các ngân hàng vẫn thận trọng trong việc mở rộng cho vay. Theo World Bank, những vấn đề về cấu trúc đang ngăn cản tăng trưởng tín dụng, bất chấp những chính sách nới lỏng tiền tệ tại Việt Nam. Tăng trưởng tín dụng ngân hàng Việt Nam trong nửa đầu năm đứng ở 3.5%, phản ánh những vấn đề về cấu trúc hệ thống ngân hàng đã được nêu ra trước đó, World Bank nhận định. World Bank dự báo tăng trưởng tín dụng Việt Nam trong năm 2014 ở 10%, và tăng lên 12% trong năm 2015. Như vậy, tăng trưởng tín dụng giảm so với mức 12.7% của năm 2013.

Cục Thống kê Liên bang Nga tại Moscow cho biết, giá tiêu dùng tháng 9 bật tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái sau khi đã tăng 7.6% trong tháng trước đó. Mâu thuẫn giữa lực lượng chính phủ Ukraine và phe quân ly khai thân Nga leo thang buộc Nga phải cấm nhập khẩu thực phẩm từ Mỹ, châu Âu và một số nước khác nhằm trả đũa đòn trừng phạt của phương Tây. Lệnh cấm vận này chính là nguyên nhân khiến giá cả hàng hóa tại Nga tăng cao trong thời gian gần đây. Tính đến thời điểm hiện tại của năm 2014, ngân hàng trung ương (NHTW) Nga đã 3 lần nâng lãi suất chuẩn từ 5.5% lên 8% do lạm phát tăng cao và ruble liên tục trượt giá kỷ lục

## ► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HOSE: HHS) vừa công bố kết quả sản xuất kinh doanh ước tính tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2014. Tháng 9, doanh thu ước đạt 230 tỷ đồng, tăng 64.2% so với tháng 8. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 13.1 tỷ đồng, tăng 5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, công ty ước đạt doanh thu 813.4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 66.2 tỷ đồng. Năm 2014, công ty đặt kế hoạch doanh thu 620 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 85 tỷ đồng. Như vậy, 9 tháng đầu năm, công ty vượt 31.2% kế hoạch doanh thu và đạt 78% kế hoạch lợi nhuận. Theo kế hoạch, năm 2014, công ty chia cổ tức dự kiến tỷ lệ 20%

Ngày 05/10, CTCP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai (HOSE: ASM) và CTCP Đầu tư F.I.T (HOSE: FIT) đã ký Hợp đồng Hợp tác chiến lược trong việc phân phối sản phẩm dầu cá. Theo nội dung Hợp đồng Hợp tác chiến lược, dựa trên thế mạnh, kinh nghiệm và định hướng phát triển, hai bên cam kết sẽ trở thành đối tác chiến lược để hỗ trợ cùng nhau phát triển. Cụ thể, FIT sẽ xem xét các cơ hội đầu tư, tiềm lực tài chính, nhân sự và kênh phân phối sẵn có để phát triển thương hiệu dầu cá tra được sản xuất bởi ASM, tìm kiếm thị trường và đẩy mạnh hoạt động phân phối sản phẩm này. Về phía ASM sẽ phối hợp chặt chẽ với FIT trong việc xây dựng thương hiệu, phân phối mặt hàng dầu cá tra ra thị trường, đảm bảo thực hiện các cam kết khi FIT trở thành đối tác chiến lược của Công ty.

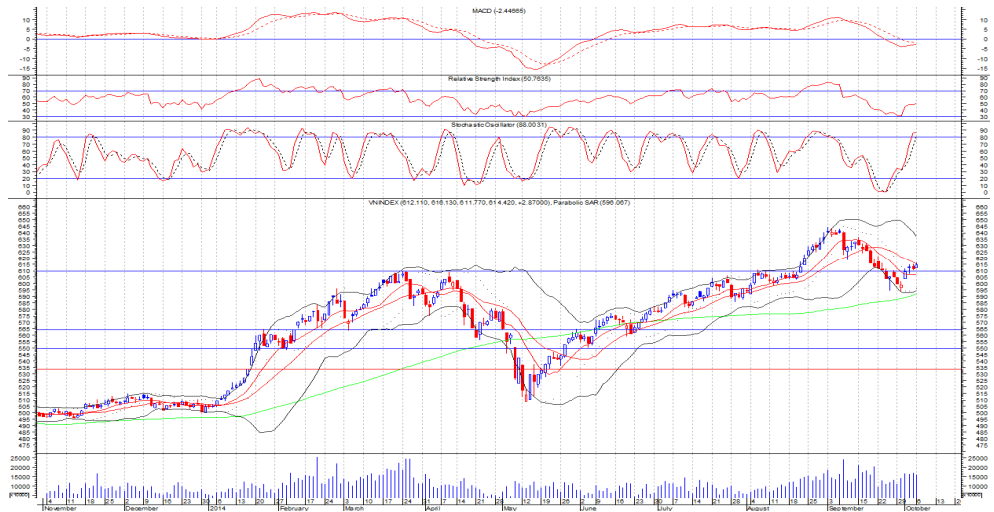
Ngày 04/10, CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HOSE: HSG) khởi công xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An tại khu công nghiệp Nam Cẩm. Dự án được đầu tư với tổng số vốn hơn 2.300 tỷ đồng trên quy mô lớn, bao gồm: 12 dây chuyền sản xuất ống thép với công suất thiết kế 100.000 tấn/năm; dây chuyền xẻ băng với công suất thiết kế 100.000 tấn/năm; dây chuyền sản xuất tôn phủ màu với công suất thiết kế 100.000 tấn/năm; dây chuyền sản xuất tôn mạ kẽm/hợp kim nhôm kẽm với tổng công suất thiết kế 400.000 tấn/năm; dây chuyền cán nguội với tổng công suất thiết kế 400.000 tấn/năm; dây chuyền tái sinh axit với công suất thiết kế 3.000 lít/giờ.

**HOSE** 10/06/2014 VNINDEX 614.41 2.87 0.47% 168,958,470 CP 2,870.84 bil VND

### Sự tích cực vẫn được duy trì trên cả 2 sàn

VN-Index tăng 2.87 điểm (+0.47%), đóng cửa tại mức 614,42 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, VN-Index tăng điểm nhẹ và vẫn giữ được sự hưng phấn cần thiết.

- MACD giá tăng trở lại, dù chưa cho tín hiệu mua nhưng đây là một dấu hiệu rất tích cực.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi vào vùng quá mua..
- Nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm nếu lực cầu vẫn duy trì tốt.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.8%)	14,142,260
ITA	0.1 (1.1%)	9,029,730
HAG	0.1 (0.4%)	8,878,170
HQC	0.2 (2.4%)	7,621,940
KBC	0.1 (0.6%)	5,610,830

### HOSE Top 5 theo % tăng

TTP	1.6 (7.0%)	100
HAI	3.2 (6.9%)	447,570
PXI	0.7 (6.9%)	909,830
VNL	1.7 (6.9%)	4,600
RIC	1 (6.9%)	6,410

### HOSE Top 5 theo % giảm

TLG	-4.5 (-8.2%)	3,870
HTL	-1.1 (-6.5%)	5,020
CTI	-0.8 (-6.0%)	9,830
SAV	-0.8 (-5.2%)	8,760
CYC	-0.2 (-4.3%)	1,000

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HAG	43,4 tỷ	1,658,100
KBC	35,0 tỷ	2,240,420
PVD	14,5 tỷ	144,440
SJD	3,6 tỷ	120,540
VCB	3,3 tỷ	120,390

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HSG	-36,7 tỷ	796,680
HPG	-25,8 tỷ	444,560
GAS	-12,2 tỷ	114,360
VIC	-9,0 tỷ	177,210
DPR	-4,1 tỷ	94,840

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,931,280	4.32

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT vẫn duy trì được sự tích cực, dù áp lực chốt lời giá cao vẫn khá lớn nhưng số mã tăng giá vẫn tăng lên. VN-Index giữ được đà tăng lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD ở mức tương đương phiên vừa rồi và đạt 163 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng là một tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ với giá trị 4,32 tỷ. Khối này mua nhiều ở mã KBC, HAG. Bán nhiều ở HSG, HPG
- ▶ Ngưỡng kháng cự 610 điểm đã được kiểm chứng thành công. Với sự tích cực của dòng tiền, chúng tôi vẫn tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- ▶ NĐT tận dụng nhịp điều chỉnh để có thể gia tăng lượng nắm giữ cổ phiếu, phân bổ danh mục vào nhóm cổ phiếu BĐS, Xây dựng, Chứng khoán.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	106.0	200,870.00	17.4	5.7	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	107.0	107,012.69	17.5	5.8	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.2	72,488.55	15.9	1.7	10.6%	1.0%
VIC	1,420.3	51.0	72,435.87	14.7	4.1	27.6%	6.2%
MSN	735.8	82.5	60,704.17	-1,483.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	102.0	30,909.76	12.9	2.7	22.7%	10.7%
BVH	680.5	41.2	28,035.42	22.8	2.4	10.2%	2.1%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	10.2	2.7	28.3%	12.8%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

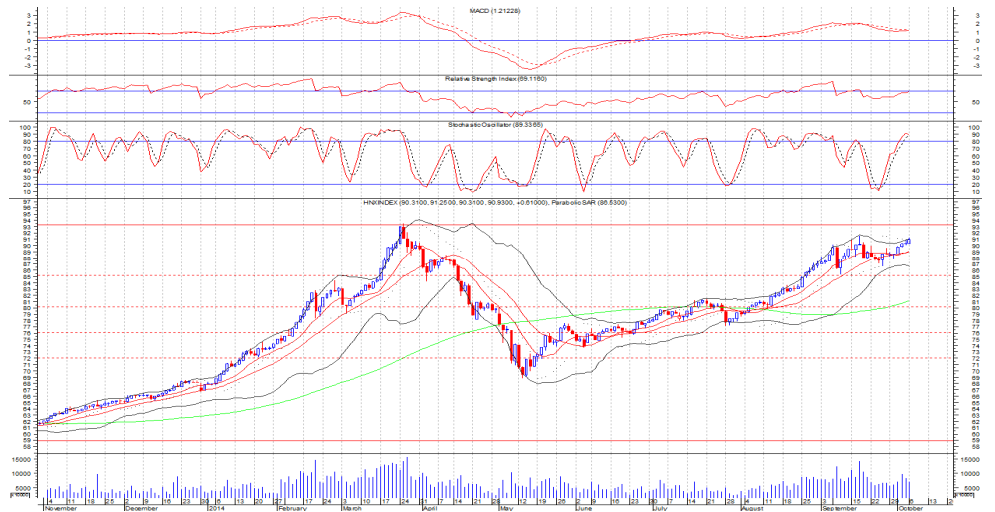
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.9	4,579.85	18.9	1.6	NA	TH.DOI
FPT	343.9	53.5	18,398.34	11.5	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.5	2,483.83	8.2	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.5	3,160.75	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	4.1	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	27.4	756.51	3.1	1.2	NA	TH.DOI

**HNX** 06/10/2014 HNX-Index 90.93 0.61 0.67% 74,960,704 CP 1,022.94 bil. VND

### Sự tích cực vẫn được duy trì trên cả 2 sàn

Chỉ số HNX-Index tăng 0.61 điểm (+0.67%), đóng cửa tại mốc 90.93 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, HNX-Index tiếp tục tăng điểm nhẹ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator gia tăng mạnh và đi sâu vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng trở lại và sắp cho tín hiệu mua.
- RSI (14) duy trì ở mức 66.
- Đà tăng nếu tiếp tục được duy trì cùng sự gia tăng của thanh khoản là một tín hiệu tích cực cho thị trường ở những phiên tới.



### HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0.5 (4.8%)	9,826,240
SHB	0.1 (1.1%)	7,313,070
KLF	0.1 (0.8%)	5,981,680
PVX	0.1 (1.5%)	5,791,980
FIT	0.5 (1.9%)	3,365,040

### HNX Top 5 theo % tăng

HNM	1 (10.0%)	325,170
CCM	1.9 (9.9%)	200
PMS	0.8 (9.9%)	11,000
DPC	1.3 (9.8%)	17,390
CMI	1.9 (9.8%)	660,900

### HNX Top 5 theo % giảm

VTC	-0.5 (-10.0%)	300
SGH	-6.5 (-9.9%)	100
ADC	-2.4 (-9.8%)	200
TAG	-2.5 (-9.7%)	100
PEN	-1.5 (-9.6%)	6,400

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

FIT	0,6 tỷ	25,000
LTC	0,5 tỷ	56,800
VND	0,3 tỷ	19,500
KTS	0,3 tỷ	20,000
PCT	0,3 tỷ	45,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SHB	-3,2 tỷ	343,600
PVS	-1,9 tỷ	45,024
TCT	-0,8 tỷ	5,000
DBC	-0,7 tỷ	23,700
SCR	-0,5 tỷ	50,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-379,624	- 5.99

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT vẫn duy trì được sự tích cực, dù áp lực chốt lời giá cao vẫn khá lớn nhưng số mã tăng giá vẫn tăng lên. HNX-Index giữ được đà tăng lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 72 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức khá, nó cho thấy tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 5,99 tỷ. Tập trung bán nhiều ở SHB, PVS. Trong khi mua nhiều ở FIT.
- ▶ HNX-Index kiểm chứng thành công ngưỡng 90 điểm. Với sự tích cực của dòng tiền, chúng tôi vẫn tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- ▶ NĐT tận dụng nhịp điều chỉnh để có thể gia tăng lượng nắm giữ cổ phiếu, phân bổ danh mục vào nhóm cổ phiếu BĐS, Xây dựng, Chứng khoán.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	42.9	19,163.45	10.7	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	20.4	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	9.5	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.7	6,493.15	11.3	1.2	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	84.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.3	4,120.39	14.3	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	22.0	2,883.67	9.2	1.1	12.7%	5.7%
NTP	56.3	48.0	2,704.29	7.4	2.1	22.9%	15.2%
LAS	77.8	34.4	2,677.42	6.9	1.8	27.5%	15.2%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	37.1	1,409.80	8.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.7	661.32	6.7	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	17.1	1,709.98	15.7	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	48.0	2,704.29	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	36.0	1,800.00	10.4	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	44.5	350.44	6.9	1.6	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	72,435.87	15.75%	51.0	14.69	4.05	2,946,973	2,590,093	1,707,393
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	13.53%	57.5	10.16	2.68	563,080	768,776	877,409
PVD	HOSE	303.0	30,909.76	11.69%	102.0	12.92	2.73	481,996	739,087	486,108
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	11.42%	82.5	#####	4.22	113,522	213,385	256,797
HAG	HOSE	789.9	20,695.36	8.11%	26.2	17.66	1.51	4,719,481	4,176,818	3,276,402
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.47%	19.1	7.79	1.26	518,047	604,935	401,259
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	5.75%	27.2	15.94	1.65	749,642	636,952	476,760
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	4.79%	31.2	9.30	1.32	603,827	1,179,984	1,188,195
ITA	HOSE	718.9	6,685.82	2.96%	9.3	71.29	0.84	7,957,532	9,297,705	6,865,582
KBC	HOSE	389.8	6,470.02	2.57%	16.6	28.16	1.26	6,161,613	5,025,896	2,759,904
BVH	HOSE	680.5	28,035.42	2.30%	41.2	22.83	2.39	272,026	351,423	217,602
HSG	HOSE	96.3	4,449.67	2.06%	46.2	13.41	1.85	227,515	234,354	185,054
GMD	HOSE	116.1	4,285.49	1.83%	36.9	8.51	0.89	1,166,512	1,246,309	590,172
PPC	HOSE	318.2	8,335.65	1.68%	26.2	16.91	1.64	548,728	929,209	763,531
HVG	HOSE	132.0	4,580.39	1.56%	34.7	36.28	1.83	1,617,708	2,326,038	1,307,678
CSM	HOSE	67.3	3,182.91	1.50%	47.3	8.75	2.64	262,519	336,711	318,659
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.48%	17.9	18.88	1.56	2,143,613	2,701,114	2,091,997
DRC	HOSE	83.1	5,316.73	1.48%	64.0	14.09	3.83	155,007	247,627	231,778
VSH	HOSE	206.2	3,031.75	1.31%	14.7	14.36	1.12	535,273	687,653	709,426
DIG	HOSE	178.7	2,806.27	1.01%	15.7	76.88	1.19	1,595,237	1,254,567	559,759
OGC	HOSE	300.0	4,050.00	0.76%	13.5	48.36	1.24	4,936,161	4,415,476	2,847,113

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	72,435.87	8.28%	51.0	14.69	4.05	2,946,973	2,590,093	1,707,393
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	8.09%	82.5	#####	4.22	113,522	213,385	256,797
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	6.66%	27.2	15.94	1.65	749,642	636,952	476,760
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.34%	19.1	7.79	1.26	518,047	604,935	401,259
PVS	HNX	446.7	19,163.45	5.45%	42.9	10.65	2.26	3,956,781	5,133,639	3,815,148
BVH	HOSE	680.5	28,035.42	4.54%	41.2	22.83	2.39	272,026	351,423	217,602
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	4.18%	31.2	9.30	1.32	603,827	1,179,984	1,188,195
PVD	HOSE	303.0	30,909.76	4.04%	102.0	12.92	2.73	481,996	739,087	486,108
HAG	HOSE	789.9	20,695.36	3.68%	26.2	17.66	1.51	4,719,481	4,176,818	3,276,402
ITA	HOSE	718.9	6,685.82	2.96%	9.3	71.29	0.84	7,957,532	9,297,705	6,865,582
PPC	HOSE	318.2	8,335.65	2.75%	26.2	16.91	1.64	548,728	929,209	763,531
FLC	HOSE	314.9	3,747.24	2.56%	11.9	8.17	1.00	13,632,431	19,808,889	17,011,379
SHB	HNX	886.1	8,240.58	2.53%	9.3	9.54	0.76	4,310,812	5,595,405	4,861,638
VCG	HNX	441.7	6,493.15	2.03%	14.7	11.27	1.16	1,729,476	1,992,342	1,233,629
OGC	HOSE	300.0	4,050.00	1.69%	13.5	48.36	1.24	4,936,161	4,415,476	2,847,113
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.61%	17.9	18.88	1.56	2,143,613	2,701,114	2,091,997
DRC	HOSE	83.1	5,316.73	0.95%	64.0	14.09	3.83	155,007	247,627	231,778
IJC	HOSE	274.2	3,920.98	0.62%	14.3	23.37	1.34	984,433	1,935,210	2,095,254
PVX	HNX	400.0	2,640.00	0.00%	6.6	- 2.10	3.51	11,143,683	11,587,926	9,072,554

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	72,435.87	0.00%	51.0	14.69	4.05	2,946,973	2,590,093	1,707,393
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.00%	82.5	#####	4.22	113,522	213,385	256,797
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	0.00%	31.2	9.30	1.32	603,827	1,179,984	1,188,195
HAG	HOSE	789.9	20,695.36	0.00%	26.2	17.66	1.51	4,719,481	4,176,818	3,276,402
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	0.00%	27.2	15.94	1.65	749,642	636,952	476,760
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	7.79	1.26	518,047	604,935	401,259
BVH	HOSE	680.5	28,035.42	0.00%	41.2	22.83	2.39	272,026	351,423	217,602
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	364,182	375,430	361,315
GAS	HOSE	1,895.0	200,870.00	0.00%	106.0	17.36	5.69	484,860	381,679	345,758

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.88%	82.5	#####	4.22	113,522	213,385	256,797
VIC	HOSE	1,420.3	72,435.87	0.56%	51.0	14.69	4.05	2,946,973	2,590,093	1,707,393
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.31%	19.1	7.79	1.26	518,047	604,935	401,259
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	0.24%	27.2	15.94	1.65	749,642	636,952	476,760
DPM	HOSE	379.9	11,853.95	0.15%	31.2	9.30	1.32	603,827	1,179,984	1,188,195
BVH	HOSE	680.5	28,035.42	0.08%	41.2	22.83	2.39	272,026	351,423	217,602

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,597	7.0	1.0	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,448	9.3	1.5	16.4%	11.0%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,808	26.4	1.0	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	869	7.6	1.0	12.9%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,517	17.3	2.2	20.8%	9.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,923	3.3	0.8	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,426	67.4	5.5	0.4%	0.1%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,193	16.7	1.5	11.1%	7.4%
Xây dựng	33,680	51.6	1.3	-1.7%	2.0%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,196	8.2	1.2	16.2%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	1,046	8.6	2.1	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,351	6.8	0.9	13.5%	6.0%
Thiết bị điện	1,946	19.8	1.2	1.2%	-0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	45	13.7	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	9,349	9.9	1.5	15.1%	10.3%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,978	3.5	1.2	4.3%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,546	9.1	1.6	18.8%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,369	8.2	1.6	18.6%	11.5%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,892	12.2	2.1	16.2%	7.8%
Đào tạo & Việc làm	238	9.9	0.8	9.1%	3.2%
Nhà cung cấp thiết bị	191	8.5	0.9	10.9%	4.4%
Chất thải & Môi trường	179	2.7	0.8	35.3%	16.5%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,179	19.1	1.3	11.7%	6.3%
Lốp xe	9,034	11.2	3.3	27.5%	11.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,587	7.9	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	306	13.6	2.1	16.4%	10.3%
Đồ uống & giải khát	239	6.9	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,328	12.2	1.9	16.8%	6.1%
Thực phẩm	198,665	24.2	4.8	20.5%	16.1%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	98	24.7	1.2	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,607	8.8	1.3	14.7%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	624	49.2	1.6	2.9%	2.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,674	9.7	1.8	18.2%	7.1%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,712	10.6	2.0	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	731	8.2	1.1	0.1%	4.1%

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,031	16.8	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	163	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	215	9.8	1.3	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,679	10.9	3.0	25.0%	16.4%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	251	47.2	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	747	11.5	1.2	13.2%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,090	11.4	1.9	17.1%	3.3%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,120	9.8	1.0	10.4%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,732	73.5	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,676	16.0	1.4	12.6%	10.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,697	20.5	3.4	23.1%	19.9%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	804	19.3	1.0	5.7%	2.0%
Internet	318	67.1	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,693	11.6	2.4	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	499	17.3	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	295	5.0	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,561	35.1	8.1	33.8%	11.4%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	26,036	-	6.1	1.4	-14.0%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	207,768	17.0	5.6	33.0%	22.6%
Nước	1,286	6.9	1.2	17.0%	11.4%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,410	8.1	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,946	12.5	0.8	6.5%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,884	9.2	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,899	22.8	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,103	49.5	1.3	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán	30,017	15.1	1.7	9.6%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	243,039	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	174,551	17.8	3.0	20.9%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,557	11.8	2.5	22.6%	9.4%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.